

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dành cho ứng viên/thành viên các Hội đồng Giáo sư)



1. Thông tin chung

- Họ và tên: TRẦN NHƯ DƯƠNG

- Năm sinh: 1970

- Giới tính: Nam

- Trình độ đào tạo (TS, TSKH) (năm, nơi cấp bằng): Tiến sỹ,
năm 2005, trường Đại học y khoa EHIME, Nhật Bản

- Chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư (năm, nơi bổ nhiệm): Phó giáo sư năm
2014, Hội đồng Giáo sư Nhà nước

- Ngành, chuyên ngành khoa học: Dịch tễ học

- Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại (hoặc đã nghỉ hưu từ năm): Phó Bí thư,
Phó Viện trưởng, Phó Chủ tịch công đoàn Viện vệ sinh dịch tễ Trung ương

- Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Bí thư, Phó Viện trưởng, Phó Chủ tịch công
đoàn Viện vệ sinh dịch tễ Trung ương

- Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, cơ
sở đào tạo):

Năm 2015, 2016, 2017, 2019, Hội đồng chức danh Giáo sư cơ sở, Viện Vệ
sinh dịch tễ Trung ương

- Thành viên Hội đồng Giáo sư ngành (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng,
nhiệm kỳ):

.....

- Thành viên Hội đồng Giáo sư nhà nước (nếu có) (năm tham gia, tên hội
đồng, nhiệm kỳ):

.....

2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu (thuộc chuyên ngành đang hoạt động)

2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình

a) Tổng số sách đã chủ biên: 1; sách chuyên khảo: 1; giáo trình; 0

b) Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mã số ISBN, chỉ số trích dẫn*).

1. Vi rút Viêm não Nhật Bản – Giám sát bệnh và các kỹ thuật xét nghiệm, Nhà xuất bản Y học, năm 2016
2. Quy trình xét nghiệm chuyên sâu một số vi sinh vật gây bệnh, Nhà xuất bản Y học, năm 2016

2.2. Các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học

a) Tổng số đã công bố: 150 bài báo tạp chí trong nước; 42 bài báo tạp chí quốc tế.

b) Danh mục bài báo khoa học công bố trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, năm công bố, chỉ số IF và chỉ số trích dẫn - nếu có*):

Bài báo trong nước:

1. Vu Trong Duoc, Nguyen Duc Thinh, Tham Chi Dung and Tran Nhu Duong. Comparision of Aedes aegypti and Aedes albopictus mosquito dispersal in urban ares. Vietnam Journal of Preventive medicine, Volume XXV, Isssue 2 (162), 2015, page 101-110
2. Pham Quang Thai, Nguyen Thi Binh, Tran Ngoc Phuong Mai, Pham Thi Quan, Nguyen Phuong Thuoc, Nguyen Khac Tu, Trinh Xuan Nam and Tran Nhu Duong. Spatial epidemiology of cholera outbreaks in the Bac Ninh province of Vietnam, 2007 to 2011. Vietnam Journal of Preventive medicine, Volume XXV, Isssue 2 (162), 2015, page 76-84
3. Nguyễn Thị Thu Yên, Lê Quỳnh Mai, Trần Như Dương, Nguyễn Hải Tuấn, Nguyễn Phương Thanh, Nguyễn Biên Thùy, Nguyễn Lê Khánh Hằng, Vũ Đình Thiêm, Vũ Hải Hà, Trần Ngọc Hữu, Phan Trọng Lâm, Nguyễn Thanh Long, Bùi Trọng Chiến, Viên Quang Mai, Trịnh Thị Xuân Mai, Đặng Tuấn Đạt, Phạm Thọ Dược, Võ Thị Hương, Nguyễn Trần Hiền. Đặc điểm dịch tễ học bệnh cúm mùa tại Việt Nam giai đoạn 2006 – 2013. Tạp chí Y học dự phòng, 2015, Tập XXV, Số 3 (163), trang 37 - 44
4. Trần Đắc Tiên, Trần Thanh Dương, Đặng Đình Thoảng, Phạm Thị Cẩm Hà, Trần Như Dương. Một số đặc điểm dịch tễ học bệnh sởi tại tỉnh Hà Nam năm 2014. Tạp chí Y học dự phòng, 2015, Tập XXV, Số 3 (163), trang 37 – 44
5. Trần Như Dương, Nguyễn Trần Hiền, Phạm Thị Cẩm Hà, Vũ Đình Thiêm, Ngũ Duy Nghĩa, Đặng Đức Anh. Tình hình bệnh truyền nhiễm tại miền Bắc Việt Nam, giai đoạn 2000 – 2014. Tạp chí Y học dự phòng, Tập XXV, Số 8 (168) 2015, trang 21 – 30
6. Nguyễn Thị Thu Yên, Lê Thị Quỳnh Mai, Trần Như Dương, Vũ Hải Hà, Nguyễn hải Tuấn, Nguyễn Phương Thanh, Nguyễn Biên Thùy, Nguyễn Lê Khánh Hằng, Vũ Đình Thiêm, Phan Trọng Lâm, Nguyễn Thanh Long, Viên Quang Mai, Phạm Thọ Dược, Nguyễn Trần Hiền. Tình hình viêm phổi nặng do cúm tại Việt Nam giai đoạn 2006 – 2015. Tạp chí Y học dự phòng, Tập XXV, Số 8 (168) 2015, trang 31 – 38
7. Nguyễn Biên Thùy, Nguyễn Thị Thu Yên, Lê Thị Quỳnh Mai, Trần Như Dương, Nguyễn Phương Thanh, Nguyễn Hải Tuấn, Phạm Đức Thọ, Vũ Hải Hà, Nguyễn Lê Khánh Hằng, Vũ Đình Thiêm, Phan Trọng Lâm, Nguyễn Thanh Long, Viên Quang Mai, Trịnh Thị Xuân Mai, Phạm Thọ Dược, Võ Thị Hương, Nguyễn Trần Hiền. Nhiễm trùng đường hô

- hấp cấp tính nặng do cúm tại Việt Nam 2011 – 2015. Tạp chí Y học dự phòng, Tập XXV, Số 8 (168) 2015, trang 54 – 63
8. Nguyễn Thị Thu Yên, Trần Thị Lan Anh, Phạm Văn Khang, Phạm Quang Thái, Nguyễn Thị Thu Hương, Lê Kiều Oanh, Đỗ Phương Loan, Nguyễn Thị Mai Duyên, Trần Như Dương. Đặc điểm lan truyền và phân bố ca bệnh trong vụ dịch sởi khu vực miền Bắc Việt Nam 2013 – 2014. Tạp chí Y học dự phòng, Tập XXV, Số 8 (168) 2015, trang 81 – 88
 9. Ngô Huy Tú, Ngũ Duy Nghĩa, Vũ Đình Thiêm, Phan Hồng Hải, Nguyễn Thị Hiền Thanh, Trần Như Dương. Một số đặc điểm dịch tễ bệnh tay chân miệng trong giám sát trọng điểm, khu vực miền Bắc, 2012 – 2014. Tạp chí Y học dự phòng, Tập XXV, Số 8 (168) 2015, trang 114 – 120
 10. Trần Chí Cường, Trần Vũ Phong, Trần Công Tú, Nguyễn Văn Soái, Trần Hải Sơn, Hà Đình Ngu, Nguyễn Hoàng Lê, Trần Như Dương. Đánh giá tác dụng diệt bọ gây muỗi truyền bệnh sốt xuất huyết của chế phẩm Bactivec (*Bacillus thuringiensis*) tại phòng thí nghiệm và trên thực địa nhỏ, Thanh Hóa năm 2014. Tạp chí Y học dự phòng, Tập XXV, Số 8 (168) 2015, trang 157 – 163
 11. Trần Công Tú, Trần Chí Cường, Nguyễn Thúy Hoa, Nguyễn Văn Soái, Trần Hải Sơn, Vũ Trọng Dục, Đinh Thị Vân Anh, Vũ Ngọc Thúy, Mai Thị Lan, Hà Đình Ngu, Nguyễn Trọng Thông, Trần Như Dương, Trần Vũ Phong. Đánh giá tính an toàn của chế phẩm Bactivec (*Bacillus thuringiensis*) diệt bọ gây muỗi truyền bệnh sốt xuất huyết tại Thanh Hóa. Tạp chí Y học dự phòng, Tập XXV, Số 8 (168) 2015, trang 164 – 172
 12. Nguyễn Tiên Dũng, Phạm Quang Thái, Đặng Thị Ánh Duyên, Nguyễn Thị San, Nguyễn Thị Thùy Dung, Nguyễn Thu Yên, Trần Thị Lan Anh, Phạm Văn Khang, Nguyễn Thị Thu Hương, Lê Kiều Oanh, Nguyễn Thị Thu Thủy, Trần Mạnh Tùng, Trần Như Dương. Một số đặc điểm dịch viêm não Nhật Bản tại Sơn La năm 2014. . Tạp chí Y học dự phòng, Tập XXV, Số 8 (168) 2015, trang 179 – 185
 13. Nguyễn Thị Thu Hương, Trần Mạnh Tùng, Nguyễn Thị Thu Yên, Phạm Văn Khang, Phạm Quang Thái, Trần Thị Lan Anh, Lê Kiều Oanh, Phan Lê Thanh Hương, Trần Như Dương. Đặc điểm dịch tễ học, lâm sàng viêm não – màng não tại Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2011 – 2014. . Tạp chí Y học dự phòng, Tập XXV, Số 8 (168) 2015, trang 186 – 192
 14. Nguyễn Đức Thịnh, Vũ Trọng Dục, Phạm Hùng, Phan Thị Thu Hương, Vũ Ngọc Thúy, Đinh Đức Thiện, Trần Như Dương. Giám sát định kỳ véc tơ và vật chủ trung gian lan truyền bệnh dịch hạch tại một số cửa khẩu và cảng biển trọng điểm khu vực miền Bắc, 2014. . Tạp chí Y học dự phòng, Tập XXV, Số 8 (168) 2015, trang 299 – 305
 15. Nguyễn Thị Thi Thơ, Lưu Phương Dung, Tạ Ngọc Hà, Phan Đăng Thân, Nguyễn Diệu Chi Mai, Lê Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Phương Liên, Nguyễn Tự Quyết, Phan Trọng Lân, Trần Phúc Hậu, Viên Quang Mai, Phùng Thanh, Phạm Thọ Dục, Trần Như Dương. Thực trạng triển khai hoạt động phòng chống bệnh không lây nhiễm tại các tỉnh, thành phố năm 2014. Tạp chí Y học dự phòng, Tập XXV, Số 8 (168) 2015, trang 475 – 484
 16. Duong Thi Hong, Pham Quang Thai, Duong Huy Luong, Nguyen Thi Thuy Dung, Nguyen Khac Tu, Tran Nhu Duong. Adverse events after Quinvaxem vaccination among children and their mother' prectices on post-immunozation monitoring in Bac Ninh province, 2014. Vietnam Journal of Preventive Medicine Volumn XXV, Issue 7 (167), 2015 23 – 26
 17. Le Viet Thanh, Pham Quang Thai, Nguyen Thi Hue, Nguyen Nhat Cam, Dang Thi Kim Hanh, Hoang Duc Hanh, Duong Huy Luong, Tran Nhu Duong. ArcGIS application detecting hot spot of Dengue in Hanoi, Vietnam 2008 – 2013. Vietnam Journal of Preventive Medicine Volumn XXV, Issue 7 (167), 2015 66 – 74
 18. Hoang Duc Minh, Vu Trong Duoc, Pham Hung, Phan Thi Huong, Dinh Thi Van Anh, Nguyen Thi Mai Anh, Nguyen Duc Thinh, Truong Hong Van and Tran Nhu Duong.

- Dengue fever prevention activities in sentinel surveillance provinces in the Northern region of Vietnam, 2014. Vietnam Journal of Preventive Medicine Volumn XXVI, Issue 3 (176), 2016 34-40
19. Dịch tễ học phân tử của các chủng *Klebsiella pneumoniae* ecarbapenemase-2 (KPC-2) phân lập tại bệnh viện Xanh Pôn. Tạp chí Y học dự phòng tập XXVI, số 8 (181), 2016 trang 15-21
 20. Phạm Quang Thái, Nguyễn Thị Huyền, Dương Huy Lương, Trần Thị Lan Anh, Phạm Văn Khang, Lê Hải Đăng and Trần Như Dương. Endemic pertussis in Northern region of Vietnam from 1995 to 2014 as a predictor of pertussis outbreak in 2015. Vietnam Journal of Preventive Medicine 2016; XXVI, 12(185): 44 – 53
 21. Lê Xuân Ngọc, Trần Huy Hoàng, Lê Thanh Hải, Trần Như Dương. Tình trạng kháng Carbapenem và Cephalosporin của *Acinetobacter* SPP. Mang gen Oxacillinase ở bệnh nhi viêm phổi liên quan đến thở máy ngoài lứa tuổi sơ sinh tại bệnh viện Nhi Trung ương, 2014 – 2015. Tạp chí Y học Dự Phòng Tập XXVI, số 13(186) 2016
 22. Phạm Duy Thái, Lưu Thị Vũ Nga, Trần Thị Vân Phương, Nguyễn Hiệp Lê Yên, Đặng Đức Anh, Trần Như Dương, Trần Huy Hoàng. Sự xuất hiện vi khuẩn đường ruột mang gen NDM-1 phân lập trên bệnh nhân điều trị tại bệnh viện Thanh Nhàn, Hà Nội giai đoạn 2010 -2014. Tạp chí Y học Dự Phòng Tập XXVI, số 10(183) 2016 tr162-168
 23. Một số đặc điểm dịch tễ học nhiễm khuẩn bệnh viện có nguyên nhân từ các chủng vi khuẩn đường ruột sinh KPC kháng carbapenem phân lập được tại các bệnh viện Hà Nội. 2016, Tạp chí Y học Việt Nam, 444(2), tr. 148-152.
 24. *Escherichia Coli* mang gen KPC-2 phân lập tại bệnh viện Việt Đức năm 2010-2012. 2016. Tạp chí Y học Việt Nam, 443(2), tr. 70-73
 25. Phạm Quang Thái, Nguyễn Thị Huyền, Phạm Văn Khang, Lê Hải Đăng, Trần Như Dương. Đặc điểm dịch tễ học, lâm sàng các trường hợp ho gà và một số yếu tố liên quan tại Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2015. Tạp chí Y học dự phòng Tập XXVI, số 15(188) 2016
 26. Trần Vũ Phong, Trần Chí Cường, Trần Công Tú, Hà Đình Ngự, Nguyễn Văn Soái, Trần Hải Sơn, Nguyễn Hoàng Lê, Trần Như Dương. Đánh giá tác dụng diệt bọ gây muỗi *Aedes* của phế phẩm Bactivec (*Bacillus thuringiensis*14) trên thực địa tại Thanh Hóa, năm 2015. Tạp chí Y học Dự Phòng Tập XXVI, số 10(183) 2016 tr 99
 27. Phạm Thị Kim Liên, Vũ Trọng Dược, Trần Vũ Phong, Nguyễn Thị Yên, Trần Đức Đông, Nguyễn Văn Soái, Trần Chí Cường, Laurent Gavotte, Laurence Briant, Roger Frutos, Trần Như Dương. Muỗi *Aedes aegypti*, *Aedes albopictus* và những yếu tố nguy cơ khuếch tán vi rút chikungunya ở một số tỉnh ở Việt Nam, 2012 – 2014. Tạp chí Y học Dự Phòng Tập XXVI, số 10(183) 2016 tr 89
 28. Phạm Thị Cẩm Hà, Ngũ Duy Nghĩa, Nguyễn Thu Thủy, Nguyễn Thị Hiền Thanh, Nguyễn Thị Thường, Nguyễn Tiến Dũng, Trần Như Dương. Một số đặc điểm dịch tễ học và căn nguyên của viêm não vi rút tại Sơn La năm 2015. Tạp chí Y học Dự Phòng Tập XXVI, số 10(183) 2016 tr65
 29. Vũ Trọng Dược, Vũ Sinh Nam, Trần Vũ Phong, Nguyễn Thị Yên, Nguyễn Tiến Dũng, Ngũ Duy Nghĩa, Phạm Thị Cẩm Hà, Trần Như Dương. Véc tơ truyền bệnh viêm não Nhật Bản tại một số xã trọng điểm huyện Sông Mã, Sơn La, 2015. Tạp chí Y học Dự Phòng Tập XXVI, số 10(183) 2016
 30. Trần Như Dương, Vũ Hải Hà, Phạm Quang Thái, Phạm Văn Khang, Nguyễn Thị Thu Hương, Lê Hải Đăng, Nguyễn Văn Dũng, Trần Thị Lan Anh, Trần Mạnh Tùng, Nguyễn Thị Mai Duyên, Triệu Thị Thanh Vân, Đỗ Phương Loan, Đặng Đức Anh. Một số đặc điểm dịch tễ hội chứng rubella bẩm sinh được giám sát tại bệnh viện Nhi trung ương, 2011-2016. Tạp chí Y học Dự Phòng Tập XXVI, số 10(183) 2016 tr 35
 31. Trần Như Dương, Nguyễn Trần Hiền, Ngũ Duy Nghĩa, Ngô Huy Tú, Phạm Thị Cẩm Hà, Nguyễn Bình Minh, Nguyễn Thị Hiền Thanh, Hoàng Vũ Mai Phương, Đặng Đức Anh.

- Kết quả giám sát trọng điểm một số bệnh truyền nhiễm tại miền Bắc Việt Nam, 2012-2015. Tạp chí Y học Dự Phòng Tập XXVI, số 10(183) 2016 tr 10
32. Nguyễn Hoài Thu, Trần Diệu Linh, Nguyễn Thị Tuyết Mai, Phạm Duy Thái, Trần Văn Phương, Nguyễn Hiệp Lê Yên, Trần Như Dương, Đặng Đức Anh, Nguyễn Bình Minh, Đinh Duy Kháng, Phạm Văn Ty, Trần Huy Hoàng. Dịch tễ học phân tử của các chủng *Klebsiella pneumoniae* sinh Klebsiella pneumonia ecarbapenemase-2 (KPC-2) phân lập tại Bệnh viện Xanh Pôn. Tạp chí Y học Dự Phòng Tập XXVI, số 8(181) 2016 tr 15
 33. Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Thu Yên, Ngô Văn Toàn, Trần Như Dương, Lê Thị Hà, Đinh Thị Thùy Linh, Nguyễn Thị San, Phạm Thị Thu Hương. Thực trạng điều trị dự phòng bệnh dại tại huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La năm 2014. Tạp chí Y học Dự Phòng Tập XXVI, số 7(180) 2016 tr 81
 34. Nguyễn Hoài Thu, Trần Diệu Linh, Nguyễn Thị Tuyết Mai, Phạm Duy Thái, Trần Văn Phương, Nguyễn Hiệp Lê Yên, Trần Như Dương, Đặng Đức Anh, Nguyễn Bình Minh, Đinh Duy Kháng, Phạm Văn Ty, Trần Huy Hoàng. Tỷ lệ vi khuẩn mang gen mã hóa tính kháng extended β lactamase (ESBLs) trên các chủng vi khuẩn đường ruột kháng carbapenem mang gen blaKPC-2 phân lập tại các bệnh viện. Tạp chí Y học Dự Phòng Tập XXVI, số 7(180) 2016 tr 27
 35. Pham Thi Kim Lien, Laurent Gavotte, Vu Trong Duoc, Tran Vu Phong, Nguyen Van Soai, Tran Chi Cuong, Tran Nhu Duong and Roger Frutos. Genetic variability of *Aedes aegypti* and *Aedes albopictus* population of several provinces having border with Laos and Cambodia. Vietnam Journal of Preventive Medicine Volume XXVI, Issue 12 (185), 2016 pg54-62
 36. Pham Quang Thai, Nguyen Thi Huyen, Duong Huy Luong, Tran Thi Lan Anh, Pham Van Khang, Le Hai Dang and Tran Nhu Duong. Endemic pertussis in Northern region of Vietnam from 1995 to 2014 as a predictor of pertussis outbreak in 2015. Vietnam Journal of Preventive Medicine Volume XXVI, Issue 12 (185), 2016 pg 44-53
 - 37.
 38. Tran Nhu Duong, Nguyen Nhat Cam, Ngu Duy Nghia, Ngo Huy Tu, Tran Manh Tung and Nguyen Thanh Chung. Assessment of adverse events following immunization of Quinvaxem vaccine for infants under one year of age in Hanoi, 2013. Vietnam Journal of Preventive Medicine Volume 27, Issue 4, 2017 page 42-49
 39. Nguyen Thanh Chung, Phan Le Thanh Huong, Nguyen Anh Tuan, Thai Thien Nam, Tran Huy Hoang, Dang Anh Ngoc, Ngu Duy Nghia and Tran Nhu Duong . An outbreak of acute post-infectious glomerulonephritis: an observational epidemiological report from Nghe An province of Vietnam. Vietnam Journal of Preventive Medicine Volume 27, Issue 4, 2017 page 118-123
 40. Vu Trong Duoc, Vu Sinh Nam, Dang Duc Anh, Le Thi Quynh Mai, Tran Dac Phu, Dang Quang Tan, Nguyen Duc Khoa, Pham Hung, Bui Huy Hoang and Tran Nhu Duong . The report of Zika virus disease in Vietnam, 2016. Vietnam Journal of Preventive Medicine Volume 27, Issue 4, 2017 page 124-131
 41. Trần Vũ Phong, Trần Công Tú, Trần Chí Cường, Hà Đình Ngu, Nguyễn Văn Soái, Trần Hải Sơn, Nguyễn Hoàng Lê, Nguyễn Thị Liên Hương, Lương Mai Anh, Trần Như Dương. Đánh giá tác dụng diệt bọ gậy muỗi *Aedes* của chế phẩm Bactivec (*Bacillus thuringiensis* 14) trên thực địa tại Thanh Hóa, năm 2015. Tạp chí Y học dự phòng, tập 27, số 1-2017, tr118-125
 42. Ngô Duy Nghĩa, Ngô Huy Tú, Phạm Thị Cẩm Hà, Lưu Nguyên Thắng, Phạm Đăng Quân, Lương Minh Hòa, Phạm Thanh Hải, Nguyễn Thùy Trâm, Hoàng Thị Thu Hà, Nguyễn Trần Hiền, Trần Như Dương. TỶ LỆ LƯU HÀNH BỆNH LEPTOSPIRA VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN TẠI HUYỆN THANH TRÌ THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2015. Tạp chí Y học dự phòng tập 27, số 8 – 2017, trang 565 - 571

43. Nguyễn Thành Chung, Ngũ Duy Nghĩa, Nguyễn Thị Thị Thơ, Trần Như Dương. Duy trì thói quen hoạt động thể lực làm giảm nguy cơ mắc bệnh đái tháo đường tít 2 ở người trưởng thành Việt Nam. Tạp chí Y học dự phòng, Tập 27, số 8 – 2017, trang
44. Trần Công Tú, Vũ Vi Quốc, Trần Vũ Phong, Trần Chí Cường, Nguyễn Thị Thu Hạnh, Đoàn Văn Doan, Trần Như Dương, Nguyễn Thị Yên, Nguyễn Trần Hiền, Vũ Sinh Nam. Xác định tác động kinh tế của dịch sốt xuất huyết dengue lên hộ gia đình và sự phát triển du lịch tại đảo Cát Bà, Việt Nam năm 2013-2014. Tạp chí Y học dự phòng, Tập 27, số 8 – 2017, trang 175 - 183
45. Phạm Quang Thái, Nguyễn Văn Dũng, Trần Thị Lan Anh, Lê Kiều Oanh, Lê Hải Đăng, Vũ Hải Hà, Trần Mạnh Tùng, Phạm Văn Khang, Trần Như Dương. Kiến thức và thực hành của chuyên trách kho về bảo quản vắc xin trong dây chuyền lạnh tại miền Bắc Việt Nam năm 2017. Tạp chí Y học dự phòng, Tập 27, số 8 – 2017, trang 472 – 477.
46. Nguyễn Thị Khánh Linh, Lê Hải Đăng, Phạm Quang Thái, Đào Thị Minh An, Phạm Văn Khang, Trần Như Dương Đặc điểm dịch tễ học, lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến biến chứng của bệnh ho gà tại Hà Nội, năm 2015 – 2016
47. Trần Vũ Phong, Trần Hải Sơn, Vũ Sinh Nam, Trần Công Tú, Trần Như Dương, Trần Chí Cường, Nguyễn Văn Soái, Vũ Trọng Dược, Lương Mai Anh, Nguyễn Thị Liên Hương, Phạm Văn Dịu, Nguyễn Văn Thơm, Đặng Thị Trang, Hoàng Thủy Nguyên Đánh giá hiệu quả của chương trình can thiệp cộng đồng phòng chống bệnh viêm não Nhật Bản tại tỉnh Thái Bình, 2015-2016
48. Trần Huy Hoàng, Phạm Duy Thái, Trần Thị Vân Phương, Nguyễn Hiệp Lê Yên, Đặng Đức Anh, Lê Thị Ngân, Trần Như Dương. Đánh giá khả năng truyền plasmid mang gen NDM-1 của các chủng vi khuẩn gram âm phân lập trên bệnh nhân điều trị tại bệnh viện Việt Đức, Hà Nội, 2010-2011. Tạp chí Y học dự phòng Tập 27, số 3 2017 PB trang 199
49. Vũ Hải Hà, Trần Mạnh Tùng, Phạm Quang Thái, Lê Kiều Oanh, Trần Thị Lan Anh, Lê Hải Đăng, Phạm Văn Khang, Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Thành Chung, Trần Như Dương. Một số đặc điểm dịch tễ học uốn ván sơ sinh khu vực miền Bắc, Việt Nam 2014 – 2016. Tạp chí Y học dự phòng Tập 27, số 3 2017 PB trang 81
50. Lê Xuân Ngọc, Lê Thanh Hải, Trần Huy Hoàng, Trần Như Dương. Một số đặc điểm dịch tễ học viêm phổi liên quan đến thở máy ở trẻ ngoài tuổi sơ sinh tại Bệnh viện Nhi Trung ương, 2013 – 2015. Tạp chí Y học dự phòng Tập 27, số 3 2017 PB trang 132
51. Phạm Duy Thái, Trần Diệu Linh, Nguyễn Hoài Thu, Trần Huy Hoàng, Trịnh Hồng Sơn, Trần Thị Vân Phương, Nguyễn Hiệp Lê Yên, Đặng Đức Anh, Trịnh Thanh Hùng, Chu Thị Loan, Lưu Thị Vũ Nga, Lê Thị Ngân, Trần Như Dương. Ứng dụng kỹ thuật Southern Blotting phát hiện các plasmid mang gen KPC của các chủng vi khuẩn đường ruột phân lập trên các mẫu bệnh phẩm lâm sàng tại các bệnh viện ở Hà Nội. Tạp chí Y học dự phòng Tập 27, số 3 2017 PB trang 193
52. Lê Xuân Ngọc, Lê Thanh Hải, Trần Như Dương. Một số yếu tố nguy cơ của viêm phổi liên quan đến thở máy ở trẻ ngoài tuổi sơ sinh tại Bệnh viện Nhi Trung ương, 2013-2015. Tạp chí Y học dự phòng Tập 27, số 3 2017 PB trang 139
53. Vu Hai Ha, Pham Van Khang, Ngu Duy nghia, Tran Manh Tung, Pham Quang Thai and Tran Nhu Duong. The relationship between El Nino Southern oscillation and measles cases in Northern Vietnam. Vietnam Journal of preventive medicine. Volumne 28, Issue 3, 2018, page 96-101
54. Non-EV-A71 enteroviruses associated with hand, foot and mouth diseases among children aged under 5 years in Northern provinces, Vietnam, 2008-2018. Hoa - Tran Thi Nguyen, Nguyen The Anh, Dao Thi Hai Anh, Ngu Duy Nghia, Nguyen Thi Thu Trang, Vu Manh Hung, Ta Thi Thu Hong, Nguyen Thi Viet Ha, Nguyen Thi Ha, Tran Nhu Duong and Nguyen Thi Hien Thanh. Vietnam Journal of preventive medicine. Volumne 28, Issue 10, 2018, page 15 – 28

55. Một số yếu tố nguy cơ mắc tiêu chảy do Clostridium difficile ở người lớn tại Bệnh viện Bạch Mai, 2013 – 2017. Nguyễn Thị Hương Giang, Phạm Thị Thanh Thủy, Vũ Thị Thu Hương, Trần Như Dương. Y học lâm sàng số 112 (tháng 11/2019) trang 114 – 120
56. Một số đặc điểm dịch sởi tại Sa Pa, Lào Cai năm 2018. Phạm Văn Khang, Nguyễn Thị Hoài, Lê Hải Đăng, Trần Như Dương, Dương Thị Hồng, Vũ Thị Lệ Thủy, Nguyễn Thị Huệ, Phạm Quang Thái*. Tạp chí Y học dự phòng Tập số đặc biệt kỷ niệm thành lập Viện
57. Thực trạng hệ thống dây truyền lạnh tuyến tỉnh tại các trung tâm kiểm soát bệnh tật/ trung tâm y tế dự phòng khu vực miền bắc và khả năng triển khai thực hành bảo quản tốt vắc xin, 2018-2019. Trần Quang Trí, Phạm Văn Khang, Trần Thị Lan Anh, Nguyễn Văn Dũng*, Dương Thị Hồng, Lê Hải Đăng, Trần Như Dương, Phạm Quang Thái. Tạp chí Y học dự phòng Tập số đặc biệt kỷ niệm thành lập Viện
58. Đặc điểm dịch tễ học bệnh sởi tại khu vực miền bắc Việt Nam, 2018. Phạm Văn Khang, Trần Như Dương, Trần Thị Lan Anh*, Nguyễn Văn Dũng, Dương Thị Hồng, Lê Hải Đăng, Nguyễn Thị Mai Duyên, Trần Quang Trí, Dương Huy Lương, Phạm Quang Thái. Tạp chí Y học dự phòng Tập số đặc biệt kỷ niệm thành lập Viện
59. Thực trạng triển khai Hệ thống thông tin tiêm chủng Quốc gia tại tỉnh Hà Nam năm 2019. Phạm Quang Thái, Hoàng Quốc Việt, Trần Thị Lan Anh*, Dương Thị Hồng, Trần Mạnh Tùng, Nguyễn Văn Dũng, Phạm Văn Khang, Lê Hải Đăng, Nguyễn Thanh Dương, Trần Đắc Tiến, Trần Như Dương. Tạp chí Y học dự phòng Tập số đặc biệt kỷ niệm thành lập Viện
60. Kết quả giám sát trọng điểm HCC tại Miền Bắc Việt Nam, 2016-2018. Ngũ Duy Nghĩa, Ngô Huy Tú, Hoàng Vũ Mai Phương, Trần Ngọc Thanh, Nguyễn Hải Tuấn, Trần Như Dương. Tạp chí Y học dự phòng (Số hội nghị khoa học Viện)
61. Kết quả giám sát trọng điểm bệnh Tay chân miệng tại Miền Bắc Việt Nam, 2016-2018. Ngũ Duy Nghĩa, Ngô Huy Tú, Trần Thị Nguyễn Hòa, Trần Ngọc Thanh, Lưu Nguyễn Thắng, Nguyễn Hải Tuấn, Nguyễn Công Khanh, Trần Anh Tú, Phạm Thị Cẩm Hà , Trần Như Dương. Tạp chí Y học dự phòng (Số hội nghị khoa học Viện)
62. Một số tác nhân phổ biến gây Viêm não vi rút tại 3 tỉnh khu vực Tây Bắc, 2017-2018. Vũ Vi Quốc², Ngũ Duy Nghĩa¹, Ngô Huy Tú¹, Trần Ngọc Thanh¹, Phạm Thị Cẩm Hà¹ , Nguyễn Thị Thường¹, Lê Thị Hiền Thu¹, Trần Thị Nguyễn Hòa¹, Vũ Sinh Nam¹, Đặng Đức Anh¹, Trần Như Dương¹. Tạp chí Y học dự phòng (Số hội nghị khoa học Viện)
63. Một số yếu tố nguy cơ mắc tiêu chảy do Clostridium difficile ở người lớn tại Bệnh viện Bạch Mai, 2013 – 2017. Nguyễn Thị Hương Giang, Phạm Thị Thanh Thủy, Vũ Thị Thu Hương, Trần Như Dương. Tạp chí Y học lâm sàng số 112
64. Một số đặc điểm dịch tễ, lâm sàng của tiêu chảy do Clostridium Difficile ở người lớn tại bệnh viện Bạch Mai, 2013 – 2017. Nguyễn Thị Hương Giang, Phạm Thị Thanh Thủy, Vũ Thị Thu Hương, Trần Như Dương. Tạp chí Y học dự phòng, Tập 29, số 13 - 2019
65. Một số đặc điểm phân bố kiểu gen của Clostridium Difficile gây tiêu chảy ở người lớn tại Bệnh viện Bạch Mai, 2013 – 2017. Nguyễn Thị Hương Giang, Phạm Thị Thanh Thủy, Vũ Thị Thu Hương, Trần Như Dương. Tạp chí Y học dự phòng, Tập 29, số 13 - 2019

Bài báo quốc tế:

1. Annette Fox, Stephen Whitehead, Katherine L. Anders, Le Nguyen Minh Hoa, Le Quynh Mai, Phạm Quang Thái, Nguyen Thu Yen, Tran Nhu Duong, Dang Dinh Thoang, Jeremy Farrar, Heiman Wertheim, Cameron Simmons, Nguyen Tran Hien, and Peter Horby. Short Report: Investigation of Dengue and Japanese Encephalitis Virus transmission in Hanam, Viet Nam. The American Journal of Tropical Medicine and Hygiene, 2014 vol. 90 no. 5, pp. 892-896 (Published online March 10, 2014 , doi: 10.4269/ajtmh.13-0077)
2. Simon Cauchemez, Neil M. Ferguson, Annette Fox, Le Quynh Mai, Le Thi Thanh, Phạm Quang Thái, Dang Dinh Thoang, Tran Nhu Duong, Le Nguyen Minh Hoa, Nguyen Tran

Hien, Peter Horby. Determinants of Influenza Transmission in South East Asia: Insights from a Household Cohort Study in Vietnam. *PLOS Pathogens*, August 2014, Volume 10, Issue 8 (e1004310)

3. Ha Hai Vu, Junko Okumura, Masahiro Hashizume, Duong Nhu Tran and Taro Yamamoto. Regional Differences in the Growing Incidence of Dengue Fever in Vietnam Explained by Weather Variability. *Tropical Medicine and Health* Vol. 42 No. 1, 2014, pp. 25-33
4. Pham Quang Thai, Le Quynh Mai, Matthijs Ra Welkers, Nguyen Le Khanh Hang, Le Thi Thanh, Vu Tien Viet Dung, Nguyen Thi Thu Yen, Tran Nhu Duong, Le Nguyen Minh Hoa, Dang Dinh Thoang, Hoang Thi Huyen Trang, Menno D de Jong, Heiman Wertheim, Nguyen Tran Hien, Peter Horby, Annette Fox. PANDEMIC H1N1 virus transmission and shedding dynamics IN index case households OF A prospective VIETNAMESE cohort. *The Journal of infection* Vol. 346 no. 6212, 2014. pp. 996-1000
5. Fonville, J. M.; Wilks, S. H.; James, S. L.; Fox, A.; Ventresca, M.; Aban, M.; Xue, L.; Jones, T. C.; Le, N. M. H.; Pham, Q. T.; Tran, N. D.; Wong, Y.; Mosterin, A.; Katzelnick, L. C.; Labonte, D.; Le, T. T.; van der Net, G.; Skepner, E.; Russell, C. A.; Kaplan, T. D.; Rimmelzwaan, G. F.; Masurel, N.; de Jong, J. C.; Palache, A.; Beyer, W. E. P.; Le, Q. M.; Nguyen, T. H.; Wertheim, H. F. L.; Hurt, A. C.; Osterhaus, A. D. M. E.; Barr, I. G.; Fouchier, R. A. M.; Horby, P. W.; Smith, D. J. Antibody landscapes after Influenza virus infection or vaccination. *Science* Vol. 346 no. 6212, 2014. pp. 996-1000.
6. H. H. Tran, S. Ehsani, K. Shibayama, M. Matsui, S. Suzuki, M. B. Nguyen, D. N. Tran, V. P. Tran, D. L. Tran, H. T. Nguyen, D. A. Dang, H. S. Trinh, T. H. Nguyen, and H. F. L. Wertheim. Common isolation of New Delhi metallo-beta-Lactamase 1-producing Enterobacteriaceae in a large surgical hospital in Vietnam. *European Journal of Clinical Microbiology & Infectious Diseases* 2015 Jun;34(6):1247-54
7. Fox, A., Mai, L.Q., Thanh, L.T., Wolbers, M., Le Khanh Hang, N., Thai, P.Q., Thu Yen, N.T., Minh Hoa, L.N., Bryant, J.E., Duong, T.N., Thoang, D.D., Barr, I.G., Wertheim, H., Farrar, J., Hien, N.T., Horby, P. Hemagglutination inhibiting antibodies and protection against seasonal and pandemic influenza infection. *Journal of Infection* volume 70, issue 2, February 2015, pp. 187 – 196
8. Ying Qin, Peter W. Horby, Tim K. Tsang, Enfu Chen, Lidong Gao, Jianming Ou, Tran Hien Nguyen, Tran Nhu Duong, Viktor Gasimov, Luzhao Feng, Peng Wu, Hui Jiang, Xiang Ren, Zhibin Peng, Sa Li, Ming Li, Jiandong Zheng, Shelan Liu, Shixiong Hu, Rongtao Hong, Jeremy J. Farrar, Gabriel M. Leung, George F. Gao, Benjamin J. Cowling, and Hongjie Yu. Differences in the Epidemiology of Human Cases of Avian Influenza A(H7N9) and A(H5N1) Viruses Infection. *Clinical Infectious Diseases* 05/2015; DOI: 10.1093/cid/civ345
9. Pham Thi Kim Lien, Vu Van Duoc, Laurent Gavotte, Emmanuel Cornillot, Phan Thi Nga, Laurence Briant, Roger Frutos, Tran Nhu Duong. Role of *Aedes aegypti* and *Aedes albopictus* during the 2011 dengue fever epidemics in Hanoi, Vietnam. *Asian Pacific Journal of Tropical Medicine* Volume 8, Issue 7, July 2015, Pages 543–548
10. Nguyen Thu Yen, Wei Liu, Hoang Duc Hanh, Na Yoon Chang, Tran Nhu Duong, Robert V. Gibbons, Florian Marks, Nghiem Anh Thu, Nguyen Minh Hong, Jin Kyung Park, Pham Anh Tuan, Ananda Nisalak, John D. Clemens, Zhi-yi Xu. A Model Immunization

11. Pham Quang Thai, Marc Choisy, Tran Nhu Duong, Vu Dinh Thiem, Nguyen Thu Yen, Nguyen Tran Hien, Daniel J. Weiss, Maciej F. Boni, Peter Horby. Seasonality of absolute humidity explains seasonality of influenza-like illness in Vietnam. *Epidemic* (2015) Volume 13: 65-73
12. Willem G. van Panhuis, Marc Choisy, Xin Xiong, Nian Shong Chok, Pasakorn Akarasewi, Sopon Iamsirithaworn, Sai K. Lam, Chee K. Chong, Fook C. Lamg, Bounlay Phommasakh, Phengta Vongphrachanhi, Khamphaphongphane Bouaphanh, Huy Rekol, Nguyen Tran Hien, Pham Quang Thai, Tran Nhu Duong, Jen-Hsiang Chuang, Yu-Lun Liu, Lee-Ching Ng, Yuan Shi, Enrique A. Tayag, Vito G. Roque Jr., Lyndon L. Lee Suy, Richard G. Jarman, Robert V. Gibbons, John Mark S. Velasco, In-Kyu Yoon, Donald S. Burke, and Derek A. T. Cummings. Region-wide synchrony and traveling waves of dengue across eight countries in Southeast Asia. *PNAS Early Edition* Published online before print October 5, 2015, doi: 10.1073/pnas.1501375112
13. Le Hoa, Le Mai, Juliet Bryant, Pham Thai, Nguyen Hang, Nguyen Yen, Tran Duong, Dang Thoang, Peter Horby, Heiman Wertheim, and Annette Fox. Association between HA stem-reactive antibodies and influenza A/H1N1 infection during the 2009 pandemic. *Journal of Virology* 2016 May 11. pii: JVI.00093-16
14. Diep Ngoc Thi Nguyen, Le Quynh Mai, Juliet E. Bryanta, Nguyen Le Khanh Hang, Le Nguyen Minh Hoa, Behzad Nadjma, Pham Quang Thai, Tran Nhu Duong, Dang Duc Anh, Peter Horby, H. Rogier van Doorn, Heiman F.L. Wertheim, Annette Fox. Epidemiology and etiology of influenza-like-illness in households in Vietnam; it's not all about the kids!. *Journal of Clinical Virology* 82 (2016) 126–132
15. D. N. Tran,¹ H. H. Tran,^{✉1} M. Matsui,² M. Suzuki,² S. Suzuki,² K. Shibayama,² T. D. Pham,¹ T. T. Van Phuong,¹ D. A. Dang,¹ H. S. Trinh,³ C. T. Loan,⁴ L. T. V. Nga,⁵ H. R. van Doorn,⁶ and H. F. L. Wertheim^{6,7} Emergence of New Delhi Metallo-beta-lactamase 1 and other carbapenemase-producing *Acinetobacter calcoaceticus-baumannii* complex among patients in hospitals in Ha Noi, Viet Nam. *Eur J Clin Microbiol Infect Dis.* 2017; 36(2): 219–225. Published online 2016 Oct 6. doi: 10.1007/s10096-016-2784-8
16. H. H. Tran,[✉] S. Ehsani, K. Shibayama, M. Matsui, S. Suzuki, M. B. Nguyen, D. N. Tran, V. P. Tran, D. L. Tran, H. T. Nguyen, D. A. Dang, H. S. Trinh, T. H. Nguyen, and H. F. L. Wertheim Common isolation of New Delhi metallo-beta-Lactamase 1-producing Enterobacteriaceae in a large surgical hospital in Vietnam. *Eur J Clin Microbiol Infect Dis.* 2015; 34(6): 1247–1254. Published online 2015 Mar 3. doi: 10.1007/s10096-015-2345-6
17. Dong Van Hoang, Ngoc Minh Pham, Andy H. Lee, Duong Nhu Tran, and Colin W. Binns. Dietary carotenoid intakes and prostate cancer risk: a case-control study from Vietnam. *Nutrients* 2017, 9, x; doi:
18. Huong T.T. Nguyen; Cuc H. Tran; Anh D. Dang; Huong G.T. Tran; Thiem D. Vu; Thach N. Pham; Hoang V. Nguyen; Anh N.K. Nguyen; Emily G. Pieracci; Duong N. Tran. Rabies Vaccine Hesitancy and Deaths Among Pregnant and Breastfeeding Women — Vietnam, 2015–2016. *MMWR Weekly / March 2, 2018 / 67(8);250–252.* <https://www.cdc.gov/mmwr/volumes/67/wr/mm6708a4.htm>
19. Geographical and temporal patterns of Rabies Post Exposure Prophylaxis (PEP) incidence in humans in the Mekong River Delta and Southeast Central Coast regions in Vietnam from 2005 to 2015. Hu Suk Lee, Vu Dinh Thiem, Dang Duc Anh, Tran Nhu

20. Progress towards rabies control and elimination in Vietnam. Nguyen HTT, Tran DN et al. Rev Sci Tech 2019 May; 38 (1): 199-212
21. A phase 2/3 double blinded, randomized, placebo-controlled study in healthy adult participants in Vietna, to examine the safety and immunogenicity of an inactivated whole virion, album adjuvanted, A(H5N1) influenza vaccine (Ivacflu – A/H5). Vaccine 38 (2020) 1541-1550. Tran Nhu Duong, Vu Dinh Thiem, Dang Duc Anh, Nguyen Phu Cuong, Tran Cong Thang, Vu Minh Huong, Vien Chinh Chien, Nguyen Thi Lan Phuong, Emanuele Montomoli, Renee Holt, Francesco Berlanda Scorza, Jorge Flores, Tushar Tewari
22. Report on sero -surveillance network meeting in Hanoi, Vietnam and plans for a nationwide sero - surveillance network in Vietnam. Dang Duc Anh, Marc Choisy,... Tran Nhu Duong, ..., Rogier van Doorn. Emerging Infectious Diseases
23. Evaluation of Vietnam’s post-exposure prophylaxis delivery system, 2017. H.T.T. Nguyen, D.O. Afriyie, C.H. Tran, Dang Duc Anh, Tran Nhu Duong, T.Q. Dang, S. Otsu, M.I. Urabe Pham Ngọc Thạch, H.T. Nguyen, T.T.T. Nguyen, T.N. Nguyen, P. Padungtod, H.T. Nguyen, Nguyễn Tuyết Thu, Nguyễn Việt Hoàng, Lê Thị Hà, Nguyễn Trần Hiền. Vaccine, 2019
24. Sero-prevalence surveillance to predict vaccine-preventable disease outbreaks; a lesson from the 2014 measles epidemic in northern Vietnam. Marc Choisy, Trinh Son Tung, Nguyen Thi Ngoc Diep, Nguyen Tran Hien, Mai Quynh Le, Pham Quang Thai, Tran Nhu Duong, Dang Duc Anh, Peter W. Horby, Maciej F. Boni, Juliet Bryant, Sonia O. Lewycka, Behzad Nadjm, H. Rogier van Doorn, Heiman F.L. Wertheim. Open Forum Infectious Diseases/2019
25. Epidemiological and comparative genomic analysis of Bacillus anthracis isolated from northern Vietnam. Thi Thu Ha Hoang, Duc Anh Dang, Thanh Hai Pham, Minh Hoa Luong, Nhu Duong Tran, Tran Hien Nguyen, Thuy Tram Nguyen, Tran Tuan Nguyen, Satoshi Inoue, Shigeru Morikawa, Akiko Okutani. Plos One 15(2): e0228166

2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên)

a) Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì/chủ nhiệm: 4 cấp Nhà nước; 9 cấp Bộ và tương đương.

b) Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên đề tài, mã số, thời gian thực hiện, cấp quản lý đề tài, trách nhiệm tham gia trong đề tài*):

TT	Tên Chương trình, đề tài	Chủ nhiệm	Tham gia	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện
1.	Đánh giá chế phẩm bactivec (Bacillus thuringiensis) diệt bọ gây muỗi truyền bệnh sốt xuất huyết Dengue	X		Nghị định thư Việt Nam – Cu ba	5/2014-12/215

TT	Tên Chương trình, đề tài	Chủ nhiệm	Tham gia	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện
2.	Nghiên cứu sự phân bố và vai trò truyền bệnh Sốt Dengue/sốt xuất huyết Dengue, Chikungunya của hai loài muỗi <i>Aedes aegypti</i> và <i>Aedes albopictus</i> tại Hà Nội	X		Cấp Bộ	2011 - 2013
3.	Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học phân tử và xây dựng bản đồ gen của các chủng Vi rút Sởi lưu hành tại một số khu vực của Việt Nam		X	Cấp Bộ	2006 - 2010
4.	Nghiên cứu phát triển bộ mẫu chuẩn ARN cho kỹ thuật RT-PCR và thử nghiệm đánh giá hiệu quả sản phẩm trên thực địa		X	Cấp Bộ	12/2010 – 06/2013
5.	Ứng dụng kỹ thuật Multilocus Sequence typing (MLST) để mô tả đặc điểm dịch tễ học phân tử của các chủng vi khuẩn <i>A. baumannii</i> mang gen <i>New Delhi Metallo-β-lactamase 1 (NDM-1)</i> phân lập được tại 3 bệnh viện của Hà Nội trong 5 năm (2010 – 2014)	X		106.03.-2012.44 (Khoa học sự sống – Y sinh được học) Cấp Bộ	03/2013 – 09/2015
6.	Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ và một số căn nguyên của viêm não vi rút tại Sơn La năm 2015	X		Cấp Viện	2015
7.	Đánh giá quần thể véc tơ và sự có mặt của vi rút Chikungunya ở muỗi và người tại một số địa phương có biên giới với Lào và Campuchia, 2012 - 2014	X		Cấp Viện	07/2012 – 12/2014

2.4. Công trình khoa học khác (nếu có)

a) Tổng số công trình khoa học khác:

- Tổng số có:..... sáng chế, giải pháp hữu ích
- Tổng số có:..... tác phẩm nghệ thuật
- Tổng số có:..... thành tích huấn luyện, thi đấu

b) Danh mục bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu trong 5 năm trở lại đây (*tên tác giả, tên công trình, số hiệu văn bằng, tên cơ quan cấp*):

.....

2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ

a) Tổng số: 6 NCS đã hướng dẫn chính

b) Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*Họ và tên NCS, đề tài luận án, cơ sở đào tạo, năm bảo vệ thành công, vai trò hướng dẫn*):

TT	Họ và tên	Đề tài luận án	Cơ sở đào tạo	Năm bảo vệ	Vai trò hướng dẫn
1	Trần Huy Hoàng	Một số đặc điểm dịch tễ học của nhiễm khuẩn bệnh viện do vi khuẩn kháng carbapenem mang gen NDM-1 tại bệnh viện Việt Đức – Hà Nội, 2010-2011.	Cơ sở đào tạo sau đại học – Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương	2014	Hướng dẫn phụ
2	Chu Trọng Trang	Tình trạng dinh dưỡng và hiệu quả của một số biện pháp can thiệp giảm suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi tại vùng đồng bằng ven biển Nghệ An.		2015	Hướng dẫn phụ
3	Vũ Trọng Dược	Sự phân bố và vai trò truyền bệnh sốt xuất huyết <i>Dengue</i> của hai loài muỗi <i>Aedes aegypti</i> và <i>Aedes albopictus</i> tại Hà Nội, 2011-2013.		2015	Hướng dẫn chính
4	Lê Xuân Ngọc	Đặc điểm dịch tễ học viêm phổi liên quan thở máy ở trẻ ngoài tuổi sơ sinh tại khoa Hồi sức - cấp cứu, Bệnh viện Nhi Trung ương.		2017	Hướng dẫn chính
5	Nguyễn Thị Hương Giang	Đặc điểm dịch tễ, lâm sàng, yếu tố nguy cơ mắc tiêu chảy do <i>Clostridium difficile</i> ở người lớn tại Bệnh viện Bạch Mai, 2013-2017.		Đã bảo vệ cấp cơ sở ngày 27/12/2019	Hướng dẫn chính

3. Các thông tin khác

3.1. Danh mục các công trình khoa học chính trong cả quá trình (Bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình, sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu...; khi liệt kê công trình, có thể thêm chú dẫn về phân loại tạp chí, thông tin trích dẫn...):

Bài báo khoa học:

1. Tran Nhu Duong, Norio Horiike, Koriyo Michikata, Chen Yan, Masashi Mizokami, Yasuhito Tanaka, Kouji Jyoko, Kazutoshi Yamamoto, Hiroaki Miyaoka, Yoshimasa Yamashita, Naofumi Ohno, Morikazu Onji. Comparision of genotype C and D of the hepatitis B virus in Japan: A clinical and molecular biological study. *Journal of Medical Virology (England)* 2004. 72: 551-557.
2. Norio Horiike, Tran Nhu Duong, Kojiro Michitaka, Kouji Jyoko, Yoichi Hiasa, Ichiro Konishi, Makoto Yano, & Morikazu Onji. Characteristics of Lamivudine-resistant hepatitis B virus (HBV) strains with breakthrough hepatitis in patients with chronic hepatitis B evaluated by serial HBV full-genome sequences. *Journal of Medical Virology (England)* 2007. 79: 911-918.
3. D. N. Tran, H. H. Tran, M. Matsui, M. Suzuki, S. Suzuki, K. Shibayama, T. D. Pham, T. T. Van Phuong, D. A. Dang, H. S. Trinh, C. T. Loan, L. T. V. Nga, H. R. van Doorn, and H. F. L. Wertheim. Emergence of New Delhi Metallo-beta-lactamase 1 and other carbapenemase-producing *Acinetobacter calcoaceticus-baumannii* complex among patients in hospitals in Ha Noi, Viet Nam. *Eur J Clin Microbiol Infect Dis.* 2017; 36(2): 219–225. Published online 2016 Oct 6. doi: 10.1007/s10096-016-2784-8

4. Le Quynh Mai, Heiman F.L. Wertheim, Tran Nhu Duong, Nguyen Tran Hien, Peter Horby. A community cluster of oseltamivir-resistant cases of 2009 H1N1 influenza. The New England Journal of Medicine 2010. 362 (1): 86-87.
5. Huong T.T. Nguyen; Cuc H. Tran; Anh D. Dang; Huong G.T. Tran; Thiem D. Vu; Thach N. Pham; Hoang V. Nguyen; Anh N.K. Nguyen; Emily G. Pieracci; Duong N. Tran. Rabies Vaccine Hesitancy and Deaths Among Pregnant and Breastfeeding Women — Vietnam, 2015–2016. MMWR Weekly/ March 2, 2018 / 67(8);250–252. <https://www.cdc.gov/mmwr/volumes/67/wr/mm6708a4.htm>
6. T. N. Duong, N. T. T. Thơ, V. Đ. Thiêm, N. T. T. Yên, L. Q. Mai, N. T. Hiền. Tình hình giám sát cúm A/ H1N1 /09 đại dịch tại miền Bắc Việt Nam trong giai đoạn đầu của dịch. Tạp chí Y học dự phòng. Tập XX, số 1 (109), 2010, trang 49-54.
7. T. N. Duong, N. H. Tú, N. M. Son, H. V. Tân, N. T. Hiền. Mô tả một số đặc điểm dịch tễ học bệnh tả miền Bắc Việt Nam năm 2007 – 2009. Tạp chí Y học dự phòng. Tập XX, số 3 (111) – Chuyên đề Tả, 2010, trang 3-10
8. T. N. Duong, N. H. Tú, N. T. B. Minh, N. T. Hiền. Điều tra nguồn gốc vụ dịch tả tại miền Bắc Việt Nam, 2007 – 2009. Tạp chí Y học dự phòng. Tập XX số 6(114) 2010, tr: 36-45.
9. Tran Nhu Duong, Nguyen Nhat Cam, Ngu Duy Nghia, Ngo Huy Tu, Tran Manh Tung and Nguyen Thanh Chung. Assessment of adverse events following immunization of Quinvaxem vaccine for infants under one year of age in Hanoi, 2013. Vietnam Journal of Preventive Medicine Volume 27, Issue 4, 2017 page 42-49

Sách chuyên khảo, giáo trình:

10. Dịch tễ học, lâm sàng và phòng chống bệnh tả. NXB Y học, 2011. Sách chuyên khảo.
11. Cúm A/H1N1/09 đại dịch tại Việt Nam. NXB Y học, 2012. Sách chuyên khảo.
12. Dịch tễ học (Giáo trình giảng dạy sau đại học). NXB Y học, 2013. Sách giáo trình
13. Vi rút viêm não Nhật Bản – Giám sát bệnh và các kỹ thuật xét nghiệm. NXB Y học, 2016. Sách chuyên khảo.

3.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (nếu có):

.....

3.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google scholar, H-index, số lượt trích dẫn (nếu có):

.....

3.4. Ngoại ngữ

- Ngoại ngữ thành thạo phục vụ công tác chuyên môn: Tiếng Anh
- Mức độ giao tiếp bằng tiếng Anh: Trôi chảy

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2020

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)

Quang
Trần Như Dương